

Số: 17 /2015/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng
phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 04/8/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 250/TTr-STC ngày 18/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

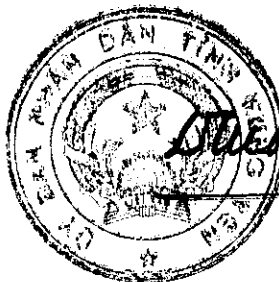
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016, thay thế Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban và VP Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TH^C.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Doãn Thế Cường

QUY ĐỊNH

Mức thu, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015
của UBND tỉnh Hưng Yên)

Điều 1. Đối tượng áp dụng và nguyên tắc thu phí

1. Đối tượng 1: Hộ gia đình, cá nhân (không gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh): Nguyên tắc thu phí nhằm bù đắp chi phí cho hoạt động thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm thu gom rác tập trung. Chi phí bốc xúc, vận chuyển từ điểm thu gom rác tập trung đến nhà máy và chi phí cho khâu xử lý rác tại nhà máy do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Đối tượng 2: Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ xen kẽ trong khu dân cư, gồm: Hộ kinh doanh nhà nghỉ, hàng ăn uống bán cả ngày; hộ kinh doanh hàng ăn uống bán buổi sáng, buổi tối, hàng tạp phẩm - bách hoá, làm biển hiệu quảng cáo; hộ giết mổ gia súc, gia cầm; hộ kinh doanh hoa tươi; hộ kinh doanh sửa chữa ô tô, xe máy; hộ kinh doanh phế liệu; ... (không bao gồm hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ trong các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại do doanh nghiệp quản lý; chợ do UBND cấp xã quản lý). Nguyên tắc thu phí nhằm bù đắp chi phí cho hoạt động thu gom rác thải từ hộ kinh doanh buôn bán nhỏ đến điểm thu gom rác tập trung. Chi phí bốc xúc, vận chuyển từ điểm thu gom rác tập trung đến nhà máy và chi phí cho khâu xử lý rác tại nhà máy do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Riêng đối với đối tượng 1 và 2 thuộc những địa bàn có thể thực hiện chôn lấp hợp vệ sinh, phù hợp với quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, nguyên tắc thu phí nhằm bù đắp chi phí cho hoạt động thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân; hộ kinh doanh buôn bán nhỏ đến điểm thu gom rác tập trung. Chi phí bốc xúc, vận chuyển từ điểm thu gom rác tập trung đến địa điểm chôn lấp tập trung và chi phí cho hoạt động chôn lấp hợp vệ sinh do ngân sách nhà nước đảm bảo.

3. Đối tượng 3: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp (Bao gồm cả các tổ chức, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý chợ, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, triển lãm, ...); cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp; trụ sở làm việc của doanh nghiệp; chi nhánh; văn phòng đại diện; lực lượng vũ trang; các tổ chức xã hội nghề nghiệp, ... Nguyên tắc thu phí nhằm bù đắp chi phí cho cả 3 khâu, gồm: Khâu thu gom rác thải từ nơi phát thải đến điểm thu gom rác tập trung; khâu bốc xúc, vận chuyển đến nhà máy; khâu xử lý rác tại nhà máy.

4. Đối tượng 4: Rác thải từ các khu công cộng. Toàn bộ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Điều 2. Mức thu phí vệ sinh

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thu, quản lý và sử dụng số tiền phí thu được

Việc quản lý và sử dụng số phí vệ sinh thu được thực hiện theo Pháp lệnh Phí, lệ phí và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

1. Đối với đối tượng 1 và 2

- 100% số tiền phí thu được để lại UBND xã, phường, thị trấn quản lý và sử dụng để chi trả công cho người trực tiếp đi thu phí; chi trả tiền công cho người trực tiếp đi thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân, hộ kinh doanh buôn bán nhỏ đến điểm thu gom rác tập trung. Mức chi trả chi phí cho công tác đi thu phí và trả công cho người đi thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân, hộ kinh doanh buôn bán nhỏ đến điểm thu gom rác tập trung do UBND xã, phường, thị trấn bàn bạc cụ thể, thỏa thuận với người trực tiếp đi thu phí và người trực tiếp đi thu gom rác thải.

- Đối với trường hợp chôn lấp tập trung theo quy hoạch: Các xã, phường, thị trấn phải lập đề án cụ thể và được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 100% số thu được để lại UBND xã, phường, thị trấn quản lý và sử dụng để chi trả công cho người đi thu phí và chi trả tiền công cho người đi thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân, hộ kinh doanh buôn bán nhỏ đến điểm thu gom rác tập trung. Mức chi trả chi phí cho công tác đi thu phí và trả công cho người trực tiếp đi thu gom rác thải từ hộ gia đình, cá nhân; hộ kinh doanh buôn bán nhỏ đến điểm thu gom rác tập trung do UBND xã, phường, thị trấn bàn bạc cụ thể thỏa thuận với người đi thu phí và người đi thu gom rác thải.

- Đối với các xã, phường, thị trấn mà UBND các huyện, thành phố đã ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường thực hiện nhiệm vụ vệ sinh và thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công cộng; nếu UBND xã, phường, thị trấn có nhu cầu giao cho đơn vị dịch vụ môi trường thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải từ hộ gia đình, cá nhân, hộ kinh doanh buôn bán nhỏ đến điểm thu gom rác tập trung, đồng thời trực tiếp thu phí thì UBND các xã, phường, thị trấn tổng hợp báo cáo UBND huyện, thành phố để quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị dịch vụ môi trường. Mức thu phí tối đa bằng mức quy định nêu trên theo địa bàn tương ứng.

- Riêng chi phí mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác vệ sinh môi trường của đối tượng 1 và 2 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Đối với đối tượng 3

- Đơn vị dịch vụ môi trường ký hợp đồng trực tiếp với đối tượng 3 nêu trên căn cứ vào nguyên tắc thu phí, lượng rác thải và định mức, đơn giá do Ủy

ban nhân dân tỉnh quy định, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức ký hợp đồng trực tiếp với đối tượng 3 nêu trên.

- Riêng đối tượng kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ trong các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại do doanh nghiệp quản lý; chợ do UBND cấp xã quản lý thì căn cứ vào hợp đồng giữa đơn vị dịch vụ môi trường với doanh nghiệp quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã; doanh nghiệp quản lý và UBND cấp xã thực hiện phân chia và thu phí vệ sinh của các đối tượng kinh doanh trong chợ. Hợp đồng thu phí vệ sinh tính đủ cả ba khâu: Khâu thu gom rác thải từ nơi phát thải đến điểm thu gom rác tập trung; khâu bốc xúc, vận chuyển đến nhà máy; khâu xử lý rác tại nhà máy.

- Các buổi biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, triển lãm, ..., đơn vị dịch vụ môi trường phối hợp với cơ quan chủ quản ký hợp đồng trực tiếp với đơn vị biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, triển lãm, thu phí vệ sinh tính đủ cả ba khâu: Khâu thu gom rác thải từ nơi phát thải đến điểm thu gom rác tập trung; khâu bốc xúc, vận chuyển đến nhà máy; khâu xử lý rác tại nhà máy (không được xác định là rác thải công cộng).

- 100% số phí vệ sinh thu được là doanh thu của đơn vị sự nghiệp thuộc nhà nước hoặc đơn vị dịch vụ môi trường được Nhà nước giao nhiệm vụ chỉ định, đặt hàng, đấu thầu quyền thu phí, hoặc đơn vị thực hiện dịch vụ công ích. Đơn vị thu phí sử dụng nguồn thu để chi cho công tác thu phí, chi phí cho công tác thu gom, chi phí bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải, chi phí nộp thuế theo quy định của pháp luật.

3. Đối với đối tượng 4

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ trì cùng đơn vị được giao nhiệm vụ quét dọn, xác định mức rác thải thu gom để khoán: Khoán công quét dọn; khoán lượng rác; khoán chi phí bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác.

Điều 4. Xử lý vi phạm.

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

1. Trách nhiệm của các sở, ngành

- Cơ quan Thuế nơi đơn vị thu phí đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu phí cho đơn vị thu; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền theo đúng chế độ quy định.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo công tác thu gom, vận chuyển, xử lý và thu phí vệ sinh đối với đối tượng phát thải trên địa bàn huyện, thành phố.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp, tổ chức công tác thu gom, vận chuyển, xử lý và thu phí vệ sinh đối với đối tượng phát thải theo đúng quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh thêm đối tượng thu phí hoặc những vấn đề cần điều chỉnh, đơn vị thu phí kịp thời phản ánh với UBND các huyện, thành phố để báo cáo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; trong thời gian chưa có quy định sửa đổi, bổ sung của UBND tỉnh vẫn phải thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của đơn vị thu phí

- Niêm yết công khai ở vị trí thuận lợi nhất về tên phí, đối tượng thuộc diện nộp phí, mức thu phí để đối tượng nộp phí dễ nhận biết.

- Thực hiện việc thu phí theo đúng đối tượng, mức thu quy định. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Khi thu phí phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

- Đơn vị dịch vụ môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; thôn, tổ dân phố để tổ chức thực hiện tốt công tác vệ sinh trên địa bàn theo quy định.

6. Điều khoản thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về qua Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày / /2015
của UBND tỉnh)

TT	Đối tượng nộp phí vệ sinh	Đơn vị tính	Mức thu phí
1	Đối tượng 1		
1.1	Hộ dân trên địa bàn các phường của thành phố Hưng Yên		
	- Hộ dân ở vị trí mặt tiền các đường phố và các ngõ mà xe thu gom rác vào lấy rác tận nơi	đồng/khẩu/tháng	10.000
	- Hộ dân ở trong ngõ hẹp xe thu gom rác không vào được	đồng/khẩu/tháng	7.000
1.2	Hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn các xã của thành phố Hưng Yên và các thị trấn thuộc huyện	đồng/khẩu/tháng	5.000
1.3	Hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn các xã còn lại trên địa bàn các huyện	đồng/khẩu/tháng	3.000
1.4	Đối với khẩu thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa	Mức thu bằng 50% mức thu của từng khu vực tương ứng	
2	Đối tượng 2		
2.1	Hộ kinh doanh nhà nghỉ, hàng ăn uống bán cả ngày	đồng/hộ/tháng	150.000
2.2	Hộ kinh doanh hàng ăn uống bán buổi sáng, buổi tối, hàng tạp phẩm - bách hoá, làm biển hiệu quảng cáo.	đồng/hộ/tháng	120.000
2.3	Hộ giết mổ gia súc, gia cầm	đồng/hộ/tháng	105.000
2.4	Hộ kinh doanh hoa tươi	đồng/hộ/tháng	90.000
2.5	Hộ kinh doanh sửa chữa ô tô, xe máy	đồng/hộ/tháng	75.000
2.6	Hộ kinh doanh phế liệu	đồng/hộ/tháng	60.000
2.7	Các hộ kinh doanh còn lại	đồng/hộ/tháng	45.000
3	Đối tượng 3	Thực hiện ký hợp đồng trực tiếp với đơn vị dịch vụ môi trường	2.000 đồng/kg rác thải
4	Đối tượng 4	Do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác	

(Mức thu phí trên đã bao gồm thuế GTGT)